

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **22/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 17 – 7 – 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Đoàn Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Bạo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX - ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Thu P**, sinh năm 1984 (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố A, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.**

* Bị đơn: Ông **Phạm Trần Quốc D**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố A, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Lâm Thị Thu P trình bày:**

Bà **Lâm Thị Thu P** và ông **Phạm Trần Quốc D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P, tỉnh Bình Phước** cũ; Nay là **Ủy**

ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào sổ số: 45 ngày 22/5/2006. Sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn. Bà P và ông D đã tự sống ly thân từ năm 2022 đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông D.

Quá trình chung sống, bà p và ông D có 02 người con chung là Phạm Lâm Ánh N – sinh ngày 13/4/2008 và Phạm Lâm Bảo N1 – sinh ngày 07/8/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân, 02 cháu Ánh N và Bảo N1 do bà P trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Ánh N và Bảo N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Trần quốc D1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của ông D1.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thu P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con có bị đơn trú tại địa phận thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã

Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P, tỉnh Bình Phước cũ; Nay là Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45. Do vậy, hôn nhân giữa bà P và ông D1 là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của bà P và ông D1: bà P trình bày Sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn. Bà P và ông D1 đã sống ly thân được 01 năm, không ai quan tâm đến ai. Kết quả xác minh tại địa phương thì quá trình chung sống bà P và ông D1 có mâu thuẫn cãi vã, ông D1 thường xuyên đi đánh bài nhưng mâu thuẫn cũng chưa nhờ chính quyền địa phương hòa giải lần nào và hiện nay bà P và ông D1 không còn chung sống với nhau. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông D1 nhiều lần để hòa giải đoàn tụ với bà P nhưng ông D1 vẫn không lên Tòa làm việc, điều này chứng tỏ ông D1 không có thiện chí muốn hòa giải, xây dựng gia đình hạnh phúc với bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông D1 đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài đời sống chung được nữa nên cần chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông D1.

[2.2] Xét yêu cầu của bà P xin được trực tiếp nuôi 02 cháu Phạm Lâm Ánh N – sinh ngày 13/4/2008 và Phạm Lâm Bảo N1 – sinh ngày 07/8/2009 cho đến khi các cháu Ánh N và Bảo N1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi sống ly thân 02 cháu Ánh N và Bảo N1 do bà P trực tiếp nuôi dưỡng nhưng các cháu vẫn được đi học và phát triển tốt. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà P, giao 02 cháu Phạm Lâm Ánh N – sinh ngày 13/4/2008 và Phạm Lâm Bảo N1 – sinh ngày 07/8/2009 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông D1 không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông D1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà **Lâm Thị Thu P** được ly hôn với ông **Phạm Trần Quốc D**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên **Phạm Lâm Ánh N** – sinh ngày 13/4/2008 và **Phạm Lâm Bảo N1** – sinh ngày 07/8/2009 cho bà **P** được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu **Ánh N** và **Bảo N1** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **P** không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **D** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà **Lâm Thị Thu P** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **P** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008508 ngày 16/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường Long Thủy, thị xã Phước Long,
tỉnh Bình Phước (số 45, ngày 22/5/2006)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Minh Nghĩa